

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THỦY NGUYÊN
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 34/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 26-02-2018

V/v tranh chấp ly hôn,
tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỦY NGUYÊN, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đỗ Văn Dũng.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Hoàng Đức Cảnh,

Ông Hoàng Đức Hân.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Anh Chiến - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Bà Bùi Thị Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 02 năm 2017 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 823/2017/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 12 năm 2017 về tranh chấp Ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 23/2018/QĐXX-ST ngày 11 tháng 01 năm 2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Lê Văn G, sinh năm 1983; địa chỉ: Thôn 2, xã C, huyện T, thành phố Hải Phòng; có mặt.

- *Bị đơn:* Chị Nguyễn Thị Y, sinh năm 1985; nơi cư trú cuối cùng: Thôn 2, xã C, huyện T, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 06 tháng 11 năm 2017 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn Lê Văn G trình bày:

Về hôn nhân: Anh Lê Văn G và chị Nguyễn Thị Y kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, được tổ chức lễ cưới theo phong tục, được Ủy ban nhân dân xã C, huyện T cấp Giấy đăng ký kết hôn số 40 ngày 27 tháng 8 năm 2004. Quá trình chung sống được khoảng thời gian gần 05 năm thì chị Y tự ý bỏ nhà đi đâu cho đến nay không rõ tin tức, không liên lạc với gia đình. Tại Quyết định số 12/2017/QĐDS-ST ngày 21 tháng 11 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện Thủy

Nguyễn đã tuyên bố chị Y mất tích. Nay anh đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn chị Nguyễn Thị Y.

Về con chung: Anh Lê Văn G và chị Nguyễn Thị Y có hai con chung là Lê Thị Nha T sinh năm 2004 và Lê Thị Lâm N sinh năm 2007, hiện nay anh đang nuôi cả hai con, khi ly hôn anh nhận trách nhiệm tiếp tục nuôi các con.

Về tài sản chung và công nợ chung: Anh Lê Văn G và chị Nguyễn Thị Y không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bà Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật và về việc giải quyết vụ án như sau: Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng quy định của pháp luật Tổ tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án; Nguyên đơn và bị đơn đã chấp hành đúng quy định của pháp luật kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm a khoản 1 Điều 35 và khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tổ tụng Dân sự; Điều 51, khoản 2 Điều 56, các Điều 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án xử cho ly hôn giữa anh Lê Văn G và chị Nguyễn Thị Y; giao con Lê Thị Nha T và Lê Thị Lâm N cho anh G nuôi cho đến khi con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật; anh G phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử thấy:

[1] Về tố tụng: Các văn bản tố tụng được niêm yết cho chị Nguyễn Thị Y đúng quy định của pháp luật, căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 của BLTTDS, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt chị Nguyễn Thị Y.

[2] Về hôn nhân: Hôn nhân giữa anh Lê Văn G và chị Nguyễn Thị Y là hợp pháp, vợ chồng chung sống được 5 năm thì chị Y bỏ đi và đã bị Tòa án tuyên bố mất tích nên yêu cầu xin ly hôn của anh G đã thỏa mãn căn cứ cho ly hôn quy định tại khoản 2 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Con Lê Thị Nha T sinh năm 2004 và Lê Thị Lâm N sinh năm 2007 của anh G và chị Y hiện nay đang do anh G nuôi. Nguyên vọng được tiếp tục nuôi con của anh G bảo đảm được lợi ích toàn diện của con và phù hợp với nguyên vọng được ở với bố của cháu T và cháu N, phù hợp với quy định tại Điều 81 và Điều 82 của Luật Hôn nhân và Gia đình; vậy nên giao con Lê Thị Nha T và Lê Thị Lâm N cho anh G trực tiếp nuôi.

[4] Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Do chị Y mất tích, anh G không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xét giải quyết.

[5] Về tài sản chung và công nợ chung: Anh G khai không có nên không yêu cầu giải quyết, song do chị Y mất tích nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: Anh Lê Văn G phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

Như vậy, ý kiến của bà Kiểm sát viên đã phát biểu tại phiên tòa về việc tuân theo pháp luật và về việc giải quyết vụ án là phù hợp pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 92, 147 và điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; khoản 2 Điều 56, các Điều 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình; Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Tuyên xử:

Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa anh Lê Văn G và chị Nguyễn Thị Y.

Về con chung: Giao con Lê Thị Nha T sinh năm 2004 và Lê Thị Lâm N sinh năm 2007 cho anh Lê Văn G trực tiếp nuôi cho đến khi các con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Trường hợp chị Nguyễn Thị Y trở về, anh Lê Văn G không có quyền cản trở việc thăm nom con chung.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Do chị Y mất tích, anh G không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xét giải quyết.

Về tài sản chung và công nợ chung: Anh G khai không có nên không yêu cầu giải quyết, song do chị Y mất tích nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về án phí: Anh Lê Văn G phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng anh G đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng biên lai số 0008557 ngày 13 tháng 12 năm 2017. Anh Lê Văn G đã nộp đủ án phí.

Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được niêm yết.

Về quyền yêu cầu thi hành án, nghĩa vụ thi hành án: Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND thành phố Hải Phòng;
- VKSND huyện Thủy Nguyên;
- Chi cục THADS huyện Thủy Nguyên;
- UBND xã C, huyện T;
- Dương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đỗ Văn Dũng